

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỘC NINH
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Bản án số: 47/2018/HNGĐ – ST

Ngày: 22/10/2018

V/v “Xin ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC NINH – TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoài Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Quế Anh

2. Ông Hoàng Nguyễn Hoài Thương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Anh Hùng – Thư ký Tòa án

Trong ngày 22/10/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 393/2018/TLST – HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2018, về việc tranh chấp “*Xin ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2018/QĐST - HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Mỹ T, sinh năm: 1998 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn 5, xã Thiện Hưng, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước

Bị đơn: Ông Nguyễn Quốc T, sinh năm: 1995 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp Cần Lê, xã Lộc Khánh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 17 tháng 9 năm 2018, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông T tự nguyện sống chung và đăng ký kết hôn vào ngày 16/10/2017 tại UBND xã Lộc Khánh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước. Trước khi sống chung hai bên có tìm hiểu nhau khoảng sáu tháng. Sau đó vợ chồng sống chung với bố mẹ chồng tại Ấp Cần Lê, xã Lộc Khánh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước. Vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 06/2018 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, nên cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, hiện vợ chồng không còn sống chung với nhau. Nay bà T xin ly hôn với ông T.

Về con chung: Có một con chung tên Nguyễn Hoàng L – sinh ngày: 05/02/2018. Khi ly hôn, bà T xin được nuôi dưỡng con. Không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có

Về nợ chung: Bà T và ông T không nợ ai cũng không ai nợ lại.

Bị đơn ông Nguyễn Quốc T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Thống nhất với bà T, ông T và bà T tự nguyện sống chung và đăng ký kết hôn vào năm 2017 tại UBND xã Lộc Khánh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước. Trước khi sống chung hai bên có tìm hiểu nhau khoảng 06 tháng. Sau đó vợ chồng sống chung với bố mẹ chồng tại Ấp Cần Lê, xã Lộc Khánh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước. Vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 06/2018 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, nên cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, hiện vợ chồng không còn sống chung với nhau. Nay ông T đồng ý ly hôn với bà T.

Về con chung: Thống nhất như bà T trình bày. Ông T và bà T có một người con chung tên Nguyễn Hoàng L – sinh ngày: 05/02/2018. Khi ly hôn, ông T xin được nuôi con, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ T có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Quốc T. Xét ông T cư trú tại xã Ấp Cần Lê, xã Lộc Khánh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Nguyên đơn, bị đơn chấp hành pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông T tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 63 ngày 16/10/2017 tại Ủy ban nhân dân xã Lộc Khánh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước nên có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông T là hợp pháp.

[3] Đối với yêu cầu xin ly hôn của bà T, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà T và ông T phát sinh trong quá trình sống chung, theo bà T thì nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, vợ chồng thường cãi nhau nên cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Ông T thống nhất giữa vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn trong thời gian sống chung do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, ông T đồng ý ly hôn với bà T. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án mở phiên hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Bà T cũng xác định không còn tình cảm với ông T và cương quyết xin ly hôn. Như vậy từ khi phát sinh mâu thuẫn cho đến nay bà T và ông T vẫn không có biện pháp hòa giải mâu thuẫn giữa vợ chồng. Như vậy, mâu thuẫn giữa bà T và ông T không có khả năng hàn gắn, tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T.

[4] Về con chung: Bà T và ông T có một người con chung tên Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 05/02/2018. Tại phiên tòa ông T cho rằng bà T đang mang thai, và không quan tâm đến con chung, tuy nhiên sau khi Hội đồng xét xử phân tích ông T đồng ý giao con cho bà T nuôi kể từ ngày 12/02/2019, bà T cho rằng bà đang làm thợ may, con còn nhỏ nên cần có sự chăm sóc của người mẹ, nên bà yêu cầu được nuôi người con chung, ông T nói bà không quan tâm chăm sóc con chung bà không đồng ý, Xét thấy tại phiên tòa bà T không đưa ra chứng cứ gì về việc bà đang làm thợ may, ông T hiện cũng không chứng minh có thu nhập ổn định, xét thấy người con còn nhỏ nên cần giao người con cho bà Thủy nuôi dưỡng, ông T có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Tại phiên tòa bà T trình bày hiện bà đang mang thai, không liên quan đến ông T, ông T, bà T cũng không yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Không có nên không xem xét.

[6] Về nợ chung: Không có nên không xem xét.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 4 điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy bà T chịu số tiền án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 55, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Mỹ T;

Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị Mỹ T được ly hôn với ông Nguyễn Quốc T.

Về con chung: Giao bà T nuôi người con tên Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 05/02/2018.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản chung: Không có nên không xem xét.

Về nợ chung: Không có nên không xem xét

2. Về án phí: Bà T chịu 300.000đ án phí Hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lộc Ninh theo biên lai thu tiền số 0006191 ngày 03/10/2018.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Bình Phước
- VKS huyện Lộc Ninh
- Các đương sự.
- THA DS huyện Lộc Ninh
- Lưu hồ sơ

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hoài Nam

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỘC NINH
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi... ..giờ.....phút, ngày 21 tháng 9 năm 2017.

Tại: Phòng nghị án Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kiều Chinh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Ngân

2. Bà Nguyễn Thị Hương

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 180/2017/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2017, về việc: “*Xin ly hôn*” giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Thanh Tâm - sinh năm: 1977

2. Bị đơn: Ông Trần Hưng Đoàn - sinh năm: 1973

Cùng địa chỉ: Số 43, đường Nguyễn Du, khu phố Ninh Hòa, thị trấn Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật:

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

1. Về điều luật áp dụng:

- Điều 39 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 và khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. HĐXX thống nhất biểu quyết với tỉ lệ $3/3 = 100\%$.

2. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Lê Thị Thanh Tâm được ly hôn với ông Trần Hưng Đoàn. HĐXX thống nhất biểu quyết với tỉ lệ $3/3 = 100\%$.

3. Về con chung: Giao cháu Trần Hưng Đăng Khoa - sinh ngày 27/9/2007 cho bà Tâm nuôi. Bà Tâm không yêu cầu ông Đoàn cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. HĐXX thống nhất biểu quyết với tỉ lệ $3/3 = 100\%$.

4. Về tài sản chung: Bà Tâm và ông Đoàn không yêu cầu Tòa án giải quyết. HĐXX thống nhất biểu quyết với tỉ lệ $3/3 = 100\%$.

5. Về nợ: Không có. HĐXX thống nhất biểu quyết với tỉ lệ $3/3 = 100\%$.

6. Về án phí: Bà Tâm chịu 300.000đ án phí Hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lộc Ninh theo biên lai thu tiền số 0014752 ngày 12/7/2017. HĐXX thống nhất biểu quyết với tỉ lệ $3/3 = 100\%$.

7. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. HĐXX thống nhất biểu quyết với tỉ lệ $3/3 = 100\%$.

Nghị án kết thúc vào hồi..... giờ..... phút, ngày 21 tháng 9 năm 2017.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
TÒA**

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN

Nguyễn Văn Ngân

Nguyễn Thị Hương

Lê Thị Kiều Chinh